

Name: _____ Class: 2 _____

ÔN TẬP THI HỌC KÌ I

MÔN: TIẾNG ANH LỚP 2- NĂM HỌC 2021- 2022

I. LISTENING

1 Listen and circle.

Example

o.

p

q

1.

r

s

2.

g

k

3.

p

r

4.

f

s

5.



a



b

6.



a



b

7.



a



b

8.



a



b

2 Listen and tick.

0.

a.

☐

b.

☒

c.

☐

1.	a. ☐	b. ☐	c. ☐
			
2.	a. ☐	b. ☐	c. ☐
			
3.	a. ☐	b. ☐	c. ☐
			
4.	a. ☐	b. ☐	c. ☐
			

II. READING AND WRITING

Task 3. Read and tick ☒ or cross ☒. (Đọc và đánh dấu ☒ vào câu đúng và dấu ☒ vào câu sai)

1. Let's look at the sail.



A ☒



B ☒

2. The pasta is yummy.



A ☐



B ☐

3. A: What can you see?

B: I can see a rainbow.



A ☐



B ☐

4. A: Is she riding a bike?

B: Yes, she is.



A ☐



B ☐

5. A: What's he doing?

B: He's colouring a square.



A ☐



B ☐

Task 4. Look and circle the correct words. (Hãy nhìn tranh và khoanh tròn vào chữ cái trước từ đúng)

1.



☒ A. colouring a square

B. doing a quiz

2.



- A. riding a bike
- B. flying a kite

3.



- A. answering a question
- B. doing a quiz

4.



- A. playing with a dog
- B. playing with a kitten

5.



- A. It's a river.
- B. It's a road

Task 5. Look at the pictures and write one letter in each gap. (Hãy nhìn tranh và viết một con chữ còn thiếu vào chỗ trống)

p

s

q

r

k

- 1. A: Is she flying a kite?
B: Yes, she is.



- 2. A: What can you see?
B: I can see a river.



- 3. Let's look at the sea.



4. The __opcorn is yummy.



5. A: What's he doing?
B: He's doing a __uiz.



III. SPEAKING

1. Point to the pictures and say the words: (*Chỉ vào tranh và nói từ*)



2. Look at the pictures and answer the questions (*Nhìn tranh và trả lời câu hỏi*)



1. What's she doing?

She's _____.



2. What's he doing?

He's _____.